TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2020/DS-PT
Ngày: 06/5/2020
V/v tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Đặng Mạnh Cẩm Yến**
Các Thẩm phán: Ông **Đỗ Minh Hoàng**
Ông **Vũ Toàn Giang**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thanh Hà** – Thư ký Toà án nhân nhân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà **Hoàng Vĩnh Thảo** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 06 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2020/DSPT về việc *"tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất"* ngày 16 tháng 1 năm 2020.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 38/2019/DS - ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 102/QĐPT-DS ngày 24/2/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 100/2020/QĐHPT-PT ngày 11/3/2020, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 249/2020/TB-TA ngày 23/4/2020 giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê T A, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Cụm 3, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Lê V K, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Cụm 3, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :

1. Ông Bùi V L, sinh năm 1945.

Địa chỉ: Cụm 3, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội.

2. Chị Bùi T T O, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn Nhà Thờ, xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

3. Chị Bùi Thị Phi Anh, sinh năm 1975.

Địa chỉ : Số nhà 134B, khu phố 8, phố Sơn Lộc, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

4. Chị Bùi T H, sinh năm 1976.

Địa chỉ : Số 9A6, khu tập thể Trung Đoàn 916 La Giám, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

5. Anh Bùi V Đ, sinh năm 1978.

Địa chỉ : Cụm 3, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội.

6. Chị Bùi T H T, sinh năm 1984.

Địa chỉ : Cụm 6, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

7. Anh Lê V M, sinh năm 1972.

Địa chỉ : Cụm 3, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền cho ông Lừng, chị Oanh, chị Anh, chị Hương, anh Định, chị Trang là bà Lê T A.

Đại diện theo ủy quyền của anh Lê V M là ông Lê V K.

Người kháng cáo: bà Lê T A là nguyên đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt: bà Lê T A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn bà Lê T A trình bày:

Ngày 24/11/2000 gia đình bà được UBND huyện Phúc Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp tổng diện tích 2016m^2 ở các xứ đồng khác nhau. Nguồn gốc đất này được UBND xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ chia theo nhân khẩu hộ gia đình từ năm 1992. Tại thời điểm chia ruộng thì gia đình bà gồm có: Bà cùng chồng là ông Bùi V L, các con là Bùi Thị Oanh, Bùi Thị Anh, Bùi T H, Bùi V Đ và Bùi T H T. Sau đó, các con bà đều đi công tác và đã xây dựng gia đình ở riêng nên không ai sử dụng đất ruộng, vì vậy toàn bộ đất nông nghiệp của gia đình bà do vợ chồng bà và con trai là Bùi V Đ sử dụng, còn vợ anh Định là Hoàng Thị Mai Hoa hiện đang sống chung cùng gia đình bà nhưng đi thoát ly nên cũng không sử dụng đất nông nghiệp và không có tiêu chuẩn đất nông nghiệp tại gia đình bà.

Trong tổng số đất nông nghiệp được cấp có 01 thửa ở xứ đồng Sen Trũng, thuộc Cụm 3, xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, bà chỉ biết là 1 sào 1 thước (384m^2). Ngoài ra, cách đây hơn 20 năm gia đình bà và gia đình bà Nụ đổi đất ruộng cho nhau, cụ thể: Gia đình bà Nụ sử dụng 12 thước đất nông nghiệp của gia đình bà ở xứ đồng Vận Đồng, còn gia đình bà sử dụng 12 thước (288m^2) đất nông nghiệp của gia đình bà Nụ tại xứ đồng Sen Trũng. Việc hai gia đình đổi đất cho nhau chỉ bằng miệng, không có giấy tờ gì và diện tích 288m^2 đất mà gia đình bà sử dụng của gia đình bà Nụ chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, tại xứ đồng Sen Trũng, gia đình bà có 02 thửa đất, 01 thửa có diện tích 384m^2 và một thửa có diện tích 288m^2.

Do không có nhu cầu sử dụng nên khoảng năm 2003, ông K có đến hỏi thuê (thầu) ruộng để làm trang trại. Sau khi bàn bạc với ông Lừng và các con thì mọi người đều đồng ý cho ông K thuê vì các con bà nói "Nhà mình nhiều ruộng không làm hết thì bố mẹ cho thuê".

Vì vậy, gia đình bà đã cho ông K thầu 02 thửa ruộng tại xứ đồng Sen Trũng, thuộc Cụm 3, xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ. Việc cho ông K thuê ruộng, hai bên không có giấy tờ gì, nhưng thỏa thuận với nhau cho ông K thầu ruộng, thời hạn 10 năm từ năm 2003 đến năm 2013, giá cho thầu trả bằng thóc, một năm hai tạ thóc, được quy đổi thành tiền là 3.600.000đ/sào. Tổng số tiền mà gia đình bà đã nhận của ông K là 6.720.000đ và đã giao ruộng cho ông K, sau đó ông Lừng có ký tên tại một tờ giấy trắng do ông K đưa.

Hết thời hạn thuê đất, bà gặp ông K hỏi lại đất nhưng ông K không trả. Vì vậy, bà có đơn đề nghị ông K trả lại đất ruộng cho bà. Quá trình giải quyết tại UBND xã Võng Xuyên, ông K đưa ra tờ giấy chuyển nhượng đất có chữ ký của ông Lừng là không đúng nên bà đề nghị ông K trả ruộng cho bà, nếu ông K mua vĩnh viễn thì phải trả cho bà 20.000.000đ/sào. Về việc ông K có ý kiến hỗ trợ thêm 5.000.000đ/sào bà không đồng ý.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, bà An trình bày: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà gia đình bà được UBND huyện Phúc Thọ cấp ngày 24/11/2000 thì tại xứ đồng Sen Trũng có số thửa 365, tờ bản đồ số 29, diện tích 324m^2, chứ không phải 384m^2 như trước đây bà yêu cầu. Vì vậy, đến nay bà đề nghị Tòa án giải quyết để ông K trả lại bà 2 thửa đất: 01 thửa có diện tích 324m^2 và một thửa có diện tích 288m^2. Hiện nay, toàn bộ diện tích đất mà ông K thuê của gia đình bà cùng một số gia đình khác thì ông K đã cải tạo trồng cây và đào ao thả cá nên diện tích đất của gia đình bà hiện nay nằm trong đất ao của ông K. Vì vậy, bà đề nghị nếu ông K không trả được bằng đất thì phải thanh toán trả bằng tiền 60.000.000đ/sào.

- *Bị đơn, ông Lê V K trình bày*: Do có nhu cầu làm vườn ao chuồng nên năm 2004 ông có mua đất nông nghiệp của khoảng 50 hộ dân thuộc xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, trong đó có hộ bà Lê T A, có chồng là ông Bùi V L. Theo gia đình bà An nói có 27 thước đất quy đổi thành 648m^2 đất quỹ I thuộc hạng 3 (đất nông nghiệp) tại xứ đồng Sen Trũng, thuộc Cụm 3, xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ.

Sau khi trao đổi cùng vợ chồng bà An, ông Lừng, hai bên đã thống nhất mua bán thửa đất trên với giá 3.600.000đ/sào, chứ không đo đạc kiểm tra diện tích đất. Sau đó, ông và vợ chồng ông Lừng đã viết Giấy chuyển nhượng đất đề ngày 10/02/2004. Tuy nhiên, tại Giấy chuyển nhượng đất này chỉ có chữ ký của ông Lừng mà không có chữ ký của bà An. Nội dung của Giấy chuyển nhượng đất là vợ chồng ông Lừng bán 648m^2 đất nông nghiệp cho ông với giá tiền là 6.480.000đ. Vì vậy, ngày 05/04/2004 ông trả tiền cho vợ chồng ông Lừng và ông viết giấy biên nhận tiền, sau đó ông Lừng ký tên, bà An không ký nhưng trực tiếp nhận tiền. Như vậy, ông mua đất của vợ chồng ông Lừng, bà An chứ không phải thuê đất thời hạn 10 năm như ông Lừng, bà An khai.

Đối với Giấy chuyển nhượng đất giữa ông và ông Bùi V L đề ngày 10/02/2004, (tại trang thứ nhất) toàn bộ nội dung chữ viết bằng mực màu đen là do ông Lê Đình Nên (đã chết) ở sát nhà ông, do hai gia đình chơi thân với nhau nên ông nhờ ông Nên viết hộ mẫu, còn chữ viết bằng mực bút bi màu xanh tím như "Bùi V L", "27 T" và " 6.480.000đ, sáu triệu bốn trăm

tám mươi nghìn đồng" là do ông viết. Sau đó, ông Lừng ký và ghi rõ họ tên Bùi V L. Đối với trang 2 (mặt sau) của Giấy chuyển nhượng đất là do ông viết, ông Lừng chỉ ký và ghi Bùi V L. Ông khẳng định đây là chữ ký và chữ viết của ông Lừng, ngoài ra ông Lừng không ký tên vào tờ giấy trắng nào khác và ông cũng không có bản đánh máy sẵn giấy thuê đất như bà An khai.

Trước đây, có những lúc ông khai diện tích đất mua của gia đình bà An để cho anh Lê Văn Mão sử dụng, có lúc ông khai mua hộ cho Lê V M. Anh Mão và anh Mười đều là em trai ruột của ông. Do ông nhớ nhầm nên đến nay ông xác định: Sau khi mua đất của gia đình ông Lừng, bà An, ông có cho anh Lê V M sử dụng. Do bận công việc nên toàn bộ trang trại của anh Mười hiện nay do ông trông nom hộ.

Trong quá trình các em ông sử dụng đất đó đã xây dựng trang trại và cải tạo làm vườn ao chuồng, trồng cây lâu năm ổn định hơn 15 năm nay không ai có ý kiến gì. Đối với đất mà ông mua của gia đình bà An hiện nay nằm trong diện tích đất ao nên bà An khởi kiện yêu cầu ông trả lại đất hoặc trả bằng tiền ông không đồng ý. Quá trình giải quyết tại UBND xã Võng Xuyên, ông đã tự nguyện hỗ trợ thêm cho gia đình bà An 5.000.000đ mục đích để ông làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà An không đồng ý. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Do ông nhớ nhầm nên trước đây ông khai đất này UBND xã Võng Xuyên ký hợp đồng cho ông thuê, nay ông xác định lại đất này không liên quan gì đến UBND xã Võng Xuyên và không phải UBND xã Võng Xuyên ký hợp đồng cho ông thuê đất.

Ông cũng đã được nghe Tòa án giải thích về yêu cầu phản tố đối với Giấy chuyển nhượng đất giữa ông và ông Bùi V L, nhưng ông không làm đơn yêu cầu phản tố và không yêu cầu xem xét đối với giấy này.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Bùi V L trình bày: Vợ chồng ông cùng các con ông đã bàn bạc và thống nhất cho anh Kỳ thầu ruộng 10 năm với số tiền 6.480.000đ và ông đã nhận đủ số tiền này. Ông công nhận chỉ ký vào bên cạnh tờ giấy do anh Kỳ đưa. Đối với giấy chuyển nhượng đất đề ngày 10/2/2004 không phải chữ ký, chữ viết của ông. Quan điểm của ông đề nghị anh Kỳ trả lại đất ruộng cho gia đình ông.

+ Chị Bùi T H T có ý kiến trình bày nhất trí theo ý kiến trình bày và đề nghị của mẹ chị là bà Lê T A.

+ Anh Lê V M trình bày: Anh là em trai ruột của ông Lê V K. Năm 2004 anh có nhờ anh Kỳ mua lại đất của một số hộ dân tại Cụm 3, xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, trong đó có hộ bà Lê T A để xây dựng trang trại phát triển kinh tế gia đình. Việc mua bán giữa các hộ dân đều do ông K thực hiện và trực tiếp chi trả tiền cho những người bán đất ruộng. Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp mà anh mua của các hộ dân tại xứ đồng Sen Trũng, thuộc Cụm 3, xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ đã được xây dựng thành trang trại chăn nuôi và trồng cây ăn quả nên bà An yêu cầu ông K trả lại đất ruộng, ông không đồng ý.

+ Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác như: Chị Bùi T T O, chị Bùi Thị Phi Anh, chị Bùi T H, anh Bùi V Đ đều ủy quyền cho bà Lê T A nên không đến Tòa án. Vì vậy, Tòa án không ghi được lời khai của những người này.

Tại phiên toà sơ thẩm, bà Lê T A giữ nguyên yêu cầu đề nghị ông Lê V K trả lại cho bà 02 thửa đất gồm thửa có diện tích 324m^2 và thửa đất có diện tích 288m^2 tại xứ đồng Sen Trũng, thuộc Cụm 3, xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ vì thời hạn thuê đất đã hết. Do đất của gia đình bà hiện nằm trong tổng diện tích đất ao của ông K nên bà yêu cầu ông K trả bằng tiền 60.000.000đ/sào.

Ông Lê V K, tại phiên tòa trình bày: Gia đình bà An đã bán đất ruộng ở tại xứ đồng Sen Trũng, thuộc Cụm 3, xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ cho ông từ năm 2004. Hiện nay toàn bộ khu đất này ông đã cải tạo thành trang trại, trồng cây, đào ao thả cá. Thửa đất mà ông mua của gia đình bà An hiện nay nằm trong diện tích đất ao. Quá trình sử dụng gia đình bà An không có ý kiến gì. Việc bà An cho rằng ông thuê đất thời hạn 10 năm nên bà An đòi lại đất, ông không đồng ý vì đất nay ông đã mua và thanh toán tiền cho gia đình bà An, chứ không phải ông thuê (thầu) đất của gia đình bà An. Việc mua bán đất thể hiện tại Giấy chuyển nhượng đất lập ngày 10/02/2004 giữa ông và ông Bùi V L, nhưng ông không có yêu cầu phản tố gì đối với giấy chuyển nhượng này vì vậy ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với giấy chuyển nhượng đất đề ngày 10/02/2004.

Tại bản án số 38/2019/DSST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội đã quyết định:

- Căn cứ Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 5 Điều 189, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ;

- Điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê T A đối với ông Lê V K về việc đòi lại quyền sử dụng đất nông nghiệp theo Hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất, tại thửa số 365, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 440A, tờ bản đồ số 29 tại xứ đồng Sen Trũng, thuộc Cụm 3, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên.

Không nhất trí với bản án sơ thẩm Nguyên đơn bà Lê T A đã có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, ngoài ra không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác cho Tòa án.

Bị đơn được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nên không có lời khai và trình bày nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật;

- Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ;

- Về nội dung: Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Đơn kháng cáo của bà Lê T A nộp trong hạn luật định nên hợp lệ.

Bà Lê T A kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm tuy nhiên không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác, ông Lê V K được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt ông K và xem xét các nội dung sau:

- Về nguồn gốc thửa đất: thửa đất đang tranh chấp tại xứ đồng Sen Trũng, thuộc Cụm 3, xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ được các bên xác định là đất của gia đình bà Lê T A, ông Bùi V L được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất cho hộ gia đình mỗi nhân khẩu được giao 240m^2 x 7 nhân khẩu = 1.680m^2 đất nông nghiệp và 48m^2 đất 10% (đất rau) x 7 nhân khẩu bằng 336m^2.

Ngày 24/11/2000, hộ ông Bùi V L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 2016m^2 và được giao đất ở các xứ đồng khác nhau, thời hạn sử dụng đến tháng 10 năm 2013, trong đó có thửa số 365, tờ bản đồ số 29, diện tích 324m^2 tại xứ đồng Sen Trũng. Ngoài ra, gia đình bà An còn sử dụng một thửa số 440A, tờ bản đồ số 29, diện tích 288m^2 cũng tại xứ đồng Sen Trũng, thửa đất này có nguồn gốc là của gia đình bà Nụ, ông Sơn đổi cho gia đình bà An. Toàn bộ diện tích đất này thuộc đất quỹ I của hộ bà An thỏa thuận giao cho anh em ông K làm trang trại, trong đó trực tiếp ông K ký hợp đồng. Vì vậy, thửa đất này không nằm trong hợp đồng cho thuê đất giữa UBND xã Võng Xuyên và ông Lê V K.

Bà An, ông K đều xác nhận gia đình bà An đã giao cho ông K sử dụng hai thửa đất trên tại xứ đồng Sen Trung từ năm 2003 đến nay. Tuy nhiên, bà An cho rằng việc gia đình bà giao đất cho ông K sử dụng là do gia đình bà cho ông K thuê (thầu) đất ruộng của gia đình bà thời hạn 10 năm. Phía ông K không công nhận, cho rằng ông đã mua đất của gia đình bà An, được thể hiện tại Giấy chuyển nhượng đất lập ngày 10/02/2004 giữa ông và ông Bùi V L. Bà An,

ông Lừng không công nhận chữ ký của ông Lừng tại Giấy chuyển nhượng đất lập ngày 10/02/2004 và chữ ký tại giấy biên nhận tiền**.** Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã trưng cầu giám định chữ ký tại Viện khoa học hình sự Bộ công an và kết luận chữ ký trong giấy chuyển nhượng và giấy biên nhận là của ông Bùi V L.

Như vậy, có cơ sở xác định ông Bùi V L đã ký tên tại Giấy chuyển nhượng đất lập ngày 10/02/2004 giữa ông K và ông Bùi V L, đồng thời ông Lừng ký tên tại giấy nhận tiền ngày 05/4/2004. Tuy nhiên các đương sự không có yêu cầu khởi kiện và không có tranh chấp đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này nên Hội đồng xét xử không xét.

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà An yêu cầu ông K trả lại đất vì đã hết thời hạn hợp đồng thuê đất. Tòa án đã yêu cầu bà An cung cấp Hợp đồng thuê đất hoặc các tài liệu khác có liên quan đến việc bà cho ông K thuê đất, nhưng bà An không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình theo quy định tại Điều 91, khoản 1 Điều 96 và khoản 5 Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà An cho rằng bà cho ông K thuê đất hai bên thỏa thuận bằng miệng, không có văn bản giấy tờ gì và việc cho ông K thuê đất được sự đồng ý của tất cả các con trong gia đình bà. Tuy nhiên, sau khi ông K sử dụng đất của gia đình bà An đã không sử dụng đúng mục đích, mà ông K cải tạo đất này để đào ao thả cá và sử dụng trong nhiều năm như vậy nhưng gia đình bà An không ai có ý kiến gì.

Như vậy bà An khởi kiện yêu cầu ông K trả lại đất nông nghiệp vì đã hết hợp đồng thuê (thầu) đất nông nghiệp tuy nhiên không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào liên quan đến việc cho ông Lê V K thuê đất nên Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê T A là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà An vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Lê T A là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên bà An là đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê T A, Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 38/2019/DS - ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội cụ thể:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê T A đối với ông Lê V K về việc đòi lại quyền sử dụng đất nông nghiệp theo Hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất, tại thửa số 365, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 440A, tờ bản đồ số 29 tại xứ đồng Sen Trũng, thuộc Cụm 3, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Bà Lê T A được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại bà Lê T A số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005217 ngày 05/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Bà Lê T A được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Mạnh Cẩm Yến